TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày: 18-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- ***Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Tùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Huyền Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số: 19/2019/TLST-HS ngày 06/6/2019 đối với bị cáo:

Phạm Thị B, sinh ngày 24/11/1983; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp V, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Bán vé số; Trình độ văn hoá: Lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1967; Chồng: Bùi Thanh P, sinh năm 1967; Có 04 người con: lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2015; Có 01 người em sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Lúc nhỏ sinh sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 5 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình, sau đó lập gia đình riêng và sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/5/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Cao Thị Lệ H, sinh năm 1967 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TT, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre

- *Người làm chứng*: Hồ Phước L, sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã PT, huyện B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 08/5/2019, Phạm Thị B chạy xe mô tô biển số 71C2-234.38 đi bán vé số dạo. Đến khoảng 09 giờ 20 phút cùng ngày, Hiền vào nhà máy xay lúa của anh Hồ Phước L tại ấp Tân Thị, xã Tân Xuân (Ba Tri – Bến Tre) bán vé số cho bà Cao Thị Lệ H – sinh năm 1967 rồi lén lút lấy trộm 10.000.000đ trong túi xách của chị H để trên đống bao lúa đem về nhà ở xã M (B - Bến Tre) cất giấu để tiêu xài, nhưng đến 14 giờ cùng ngày thì Hiền đến Công an xã X tự thú và giao nộp lại 10.000.000đ; Cơ quan điều tra đã giao trả 10.000.000đ cho Cao Thị Lệ H và chị H có đơn xin bãi nại không yêu cầu xử lý Hiền.

Tại Quyết định truy tố số 01/QĐ-VKS ngày 05/6/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố Phạm Thị B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, Phạm Thị B đã khai nhận toàn bộ hành vi lén lút chiếm đoạt 10.000.000 đồng của bà Cao Thị Lệ H với diễn biến như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và phù hợp với nội dung quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bị hại Cao Thị Lệ H không yêu cầu bị cáo bồi thường bất cứ khoản tiền nào do đã nhận lại được tài sản. Về trách nhiệm hình sự, bà H có đơn xin bãi nại và xin cho bị cáo được tại ngoại để nuôi con còn nhỏ và lo cho cuộc sống gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phạm Thị B về tội "Trộm cắp tài sản" đồng thời đề nghị:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị B từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ**.**

- Về phần dân sự: Ghi nhận bị hại Cao Thị Lệ H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm.

- Về xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả 10.000.000 đồng cho bà Cao Thị Lệ H.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri nhận định như sau:

[1] Về tố thủ tục tố tụng xét thấy nội dung vụ án có đủ các yếu tố: Người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang hoặc người đó tự thú; Sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng; Tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng; Người phạm tội có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng. Do đó trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án được tiến hành theo thủ tục rút gọn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 456 Bộ luật tố tụng hình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành thụ lý và xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo Phạm Thị B là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, nên Phạm Thị B đã có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 10.000.000 đồng của bà Cao Thị Lệ H. Sự việc xảy ra vào khoảng 9 giờ 20 phút ngày 08/5/2019 tại ấp Tân Thị, xã Tân Xuân (Ba Tri – Bến Tre). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Phạm Thị B về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Việc làm của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả xảy ra là đúng như bị

cáo mong muốn. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi đã gây ra.

[5] Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng; Sau khi phạm tội, khi chưa bị cơ quan điều tra mời làm việc, bị cáo đã chủ động đến nơi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản để trả lại tài sản cho bị hại và tự thú hành vi của mình với Công an xã Tân Xuân; Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, i, r, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên sẽ được xem xét khi lượng hình cho bị cáo

[6] Do bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo đang gặp hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, bị cáo đang nuôi con còn nhỏ, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo về cho địa phương phối hợp cùng gia đình giám sát giáo dục cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc xử bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên được miễn việc khấu trừ thu nhập theo quy định của pháp luật, nhưng bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản và tự nguyện không yêu cầu bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào nên được ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Ba Tri xử lý giao trả số tiền 10.000.000 đồng cho bà Cao Thị Lệ H là phù hợp với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ điểm khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị B 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Phạm Thị B về cho Ủy ban nhân dân xã M (huyện B, tỉnh Bến Tre) phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục.

Bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ. Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập theo quy định của pháp luật.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại Cao Thị Lệ H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Ghi nhận Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả 10.000.000 đồng cho bà Cao Thị Lệ H.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Buộc bị cáo Phạm Thị B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***** Nơi nhận:
- *Các bị cáo;*
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *Công an huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;*
- *UBND xã M (B, Bến Tre);*
- *Lưu.*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng